



xìng míng

姓名

Noun · surname and given name

Example Sentences

qǐng zài zhè lǐ tián xiě nín de xìng míng

请在这里填写您的姓名。

Please fill in your name here.

qǐng zài zhè lǐ dēng jì nǐ de xìng míng

请在这里登记你的姓名。

Please register your name here.

qǐng zài héng xiàn shàng tián xiě nǐ de xìng míng

请在横线上填写你的姓名。

Please write your name on the horizontal line.

Trace each character, then write the word on your own.

姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓
名	名	名	名	名	名	名	名	名		